TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẢO LỘC** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 15-4-2022
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẢO LỘC, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Huỳnh Nguyễn Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cầm Văn Nam

2. Bà Lê Thị Thanh Nhàn

- Thư ký phiên toà: Bà Đoàn Thị Anh Đào – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 347/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2022 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử số: 07/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà **Đàm Thị B**, sinh năm 1975. Nơi cư trú: xã Đ, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt*.

2. *Bị đơn:* Ông **Hoàng Văn T**, sinh năm 1966. Nơi cư trú: xã Đ, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. *Có mặt*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Đàm Thị B trình bày: Bà và ông Hoàng Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn và được UBND xã Đ, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 21 ngày 02/4/2015. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng bình thường, nhưng đến năm 2020 thì luôn phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là mâu thuẫn kinh tế gia đình, cả hai hay cải vả, bất đồng nhiều vấn đề trong cuộc sống, ông T thường xuyên uống rượu và hành hung đánh đập bà. Hiện vợ chồng đã sống ly thân gần một năm, mạnh ai nấy sống không còn quan tâm lẫn nhau, bà xác

định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông T.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Hoàng Thị Thu T1, sinh ngày 28/8/2015 hiện đang ở với bà. Ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng cho tới khi con chung thành niên.

Về tài sản chung: Bà và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác định không có.

Ông T đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải.

Tại phiên tòa,

Bị đơn ông T trình bày: Ông và bà B chung sống với nhau từ năm 2013, đến tháng 4/2015 thì đăng ký kết hôn, hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn cuộc sống bình thường nhưng thời gian những năm gần đây thì luôn phát sinh tranh chấp, nguyên nhân là mâu thuẫn kinh tế gia đình, ông thường xuyên uống rượu hằng ngày và có đánh đập bà B, hiện vợ chồng đang sống ly thân nhưng ông không đồng ý ly hôn vì không muốn ảnh hưởng đến con chung. Vợ chồng có một con chung tên Hoàng Thị Thu T1, sinh ngày 28/8/2015 hiện đang ở với bà B. Trường hợp ly hôn ông đồng ý giao con chung cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Ông làm công việc phụ hồ, thu nhập trung bình 3.000.000 đồng/tháng nhưng không ổn định nên không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung ông xác định không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định pháp luật. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 cho bà B ly hôn với ông T vì mục đích hôn nhân không đạt; giao con chung cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng, ông T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào ý kiến của đại diện Viện kiểm sát; Tòa án nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đàm Thị B có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về quan hệ tranh chấp: Bà B khởi kiện yêu cầu Tòa án cho ly hôn với ông T hiện cư trú tại xã Đ, thành phố B. Do vậy, xác định đây là tranh chấp ly hôn theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Quan hệ hôn nhân giữa bà B và ông T là hợp pháp do hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, bà B xác định không còn tình cảm với ông T, cuộc sống vợ chồng không thể hòa hợp được nên yêu cầu được ly hôn với ông T. Ông T không đồng ý ly hôn. Xét thấy, bản thân ông T cũng thừa nhận cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng, ông cũng có đánh bà B và hằng ngày đều uống rượu ảnh hưởng cuộc sống gia đình. Qua xác minh thực tế tại chính quyền địa phương thì từ tháng 6/2021 cuộc sống của bà B, ông T luôn trong tình trạng mậu thuẫn gay gắt, ông T hay uống rượu đánh vợ, thậm chí việc mâu thuẫn giữa vợ chồng căng thẳng chính quyền địa phương phải đến làm việc để hòa giải và hiện cả hai đã sống ly thân, mỗi người sống một nơi, không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mạnh ai nấy sống. Do đó, thực trạng quan hệ hôn nhân của bà B và ông T đã thể hiện mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng và kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt. Nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà B.

[4]. Bà B và ông T có một con chung tên Hoàng Thị Thu T1, sinh ngày 28/8/2015. Ly hôn bà B yêu cầu trực tiếp được nuôi dưỡng con chung, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi cháu T1 2.000.000 đồng/tháng cho tới khi con chung thành niên. Ông T đồng ý giao con chung cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên nhưng không đồng ý cấp dưỡng nuôi con vì thu nhập của ông không ổn định. Xét thấy cháu T1 là bé gái, còn nhỏ và do bà B đang trực tiếp chăm sóc nên để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, nhất là tâm sinh lý của bé gái phù hợp sự chăm sóc của người mẹ, tránh sự xáo trộn trong cuộc sống của cháu và ông T, bà B đều thống nhất giao con chung cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng nên chấp nhận.

Về việc cấp dưỡng nuôi con, mặc dù ông T có công việc không ổn định nhưng thu nhập trung bình hằng tháng là 3.000.000 đồng; khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Do đó, buộc ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T1 1.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 5/2022 cho đến khi con chung thành niên là phù hợp quy định của pháp luật.

[5]. Về tài sản chung bà B trình bày vợ chồng tự thỏa thuận, ông T trình bày không có; về nợ chung cả hai xác định không có nên Tòa án không xem xét.

[6]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở và phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[7]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Cho bà Đàm Thị B ly hôn ông Hoàng Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Hoàng Thị Thu T1, sinh ngày 28/8/2015 cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên.

Ông T cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 5/2022 cho đến khi con chung thành niên.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn và thay đổi nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Bà B phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0004669 ngày 23 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng; Bà B đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng (2);
- VKSND TP. Bảo Lộc (1);
- Chi cục THADS TP. Bảo Lộc (1);
- UBND X. Đ, TP. B, T. Lâm Đồng (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu hồ sơ vụ án (2).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Nguyễn Thanh Trúc

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Huỳnh Nguyễn Thanh Trúc

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẢO LỘC
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 9 giờ 00 phút, ngày 15 tháng 4 năm 2022. Tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Nguyễn Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Thanh Nhàn

2. Ông Cầm Văn Nam

Tiến hành nghị án vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 347/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2021 về việc "Tranh chấp ly hôn" giữa nguyên đơn bà Đàm Thị B và bị đơn ông Hoàng Văn T.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Về điều luật áp dụng:

Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 56, 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

Biểu quyết: 3/3

Về yêu cầu của đương sự:

Ý kiến hội thẩm Nam: Thực trạng hôn nhân giữa bà B và ông T thể hiện mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận cho bà B ly hôn với ông Tuấn.

Ý kiến hội thẩm Nhàn: Thống nhất ý kiến của hội thẩm Nam và bổ sung thêm ý kiến: Giao con chung cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng, ông T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi thành niên là phù hợp quy định của pháp luật.

Ý kiến thẩm phán Trúc: Thống nhất ý kiến của hai vị Hội thẩm và bổ sung thêm ý kiến: Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Biểu quyết: 3/3

Về án phí:

Bà B phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng. Ông T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Biểu quyết: 3/3

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi 9 giờ 20 phút, ngày 15 tháng 4 năm 2022. Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Nguyễn Thanh Trúc